

Phần hai – NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ⁹

A. KHÁI QUÁT

NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

Bài 1

SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

- Biết sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước : phát triển, đang phát triển, các nước công nghiệp mới (NIC_s).
- Trình bày được đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.
- Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại tới sự phát triển kinh tế : xuất hiện các ngành kinh tế mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành nền kinh tế tri thức.

2. Kĩ năng

- Nhận xét sự phân bố các nước theo mức GDP bình quân đầu người ở hình 1.
- Phân tích bảng số liệu về kinh tế – xã hội của từng nhóm nước.

3. Thái độ

Xác định trách nhiệm học tập để thích ứng với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẨN THIẾT

- Phóng to các bảng 1.1, 1.2 trong SGK (nếu có điều kiện).
- Bản đồ Các nước trên thế giới.
- Chuẩn bị Phiếu học tập theo mẫu sau :

PHIẾU HỌC TẬP		
Ghi kết quả thảo luận nhóm vào bảng sau :		
Các chỉ số	Nhóm nước phát triển	Nhóm nước đang phát triển
Tỉ trọng GDP		
Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế		
Tuổi thọ bình quân (năm 2005)		
Chỉ số HDI		

III. TRỌNG TÂM BÀI

- Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển.
- Đặc trưng và tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến nền kinh tế – xã hội thế giới.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

MỤC I. SỰ PHÂN CHIA THÀNH CÁC NHÓM NƯỚC

* **Hoạt động 1 :** Tìm hiểu sự phân chia thế giới thành các nhóm nước

GV tổ chức cho HS tự đọc mục I trong SGK để có những kiến thức khái quát về các nhóm nước. Sau đó, HS làm việc theo nhóm cặp đôi, quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi kèm theo hình trong SGK.

MỤC II. SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC

* **Hoạt động 2 :** Tìm hiểu sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước

– GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm khoảng 6 – 8 HS) và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm như sau :

+ *Nhóm 1* : Làm việc với bảng 1.1, trả lời câu hỏi kèm theo. Ghi kết quả thảo luận nhóm vào Phiếu học tập (ghi vào hàng đầu).

+ *Nhóm 2* : Làm việc với bảng 1.2, trả lời câu hỏi kèm theo. Ghi kết quả thảo luận nhóm vào Phiếu học tập (ghi vào hàng thứ 2).

+ *Nhóm 3* : Làm việc với thông tin ở ô chữ và bảng 1.3, trả lời câu hỏi kèm theo. Ghi kết quả thảo luận nhóm vào Phiếu học tập (ghi vào hàng thứ 3 và 4)...

– Đại diện từng nhóm lên trình bày trước lớp kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác trao đổi, đặt câu hỏi. GV nhận xét và kết luận các ý đúng của mỗi nhóm và hoàn tất việc trả lời câu hỏi. HS tự điền vào Phiếu học tập của bản thân.

Trong khi nêu kết luận so sánh về đặc điểm của các nhóm nước, GV lưu ý bổ sung thêm các nội dung liên quan đến mỗi nhóm. Ví dụ : các ngành công nghiệp có hàm lượng kĩ thuật cao ở các nước phát triển, sự phân hoá về mặt phát triển kinh tế – xã hội trong nội bộ các nước đang phát triển, sản phẩm xuất, nhập khẩu của nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển,...

MỤC III. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

* **Hoạt động 3 :** Tìm hiểu cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại
GV giảng giải về đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Chú ý :

– So sánh sự khác nhau cơ bản giữa các cuộc cách mạng khoa học và kĩ thuật :

+ Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào cuối thế kỉ XVIII là giai đoạn quá độ từ nền sản xuất thủ công sang nền sản xuất cơ khí. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là quá trình đổi mới công nghệ.

+ Cuộc cách mạng khoa học và kĩ thuật diễn ra từ nửa sau của thế kỉ XIX đến giai đoạn đầu thế kỉ XX. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là đưa lực lượng sản xuất từ nền sản xuất cơ khí chuyển sang nền sản xuất đại cơ khí

và tự động hóa cục bộ. Cuộc cách mạng này đã cho ra đời hệ thống công nghệ điện – cơ khí.

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là làm xuất hiện và bùng nổ công nghệ cao.

– GV giải thích và làm sáng rõ khái niệm "công nghệ cao". Đồng thời làm rõ vai trò của bốn công nghệ trụ cột trong cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Bốn công nghệ này đã tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế – xã hội thế giới, tạo ra nhiều thành tựu kinh tế to lớn,....

– GV yêu cầu HS theo nhóm cặp đôi, trao đổi và trả lời câu hỏi ở cuối mục, sau đó GV tổng kết các câu trả lời của HS và làm rõ những thành tựu do bốn công nghệ trụ cột tạo ra, cùng với sự ra đời của nền kinh tế tri thức.

V. THÔNG TIN

KHÁI QUÁT VỀ MỘT SỐ NỀN KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG NHANH Ở CHÂU Á

– *Đài Loan* : Tăng trưởng nhanh nhờ phát triển công nghiệp nhỏ và vừa. Các giai đoạn phát triển của Đài Loan có thể khái quát như sau :

+ Giai đoạn tiền cất cánh : Vào thập niên 60 của thế kỷ XX, Đài Loan tiến hành công nghiệp hoá hướng vào xuất khẩu, tập trung phát triển công nghiệp nhẹ, lắp ráp, sử dụng nhiều lao động với quy mô sản xuất nhỏ và vừa.

+ Giai đoạn cất cánh : Vào thập niên 70, Đài Loan tiến hành xây dựng công nghiệp nặng, tập trung vào ngành hoá chất, luyện thép, hoá dầu, đóng tàu,....

+ Giai đoạn trưởng thành : Vào thập niên 80, Đài Loan chú trọng xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao ; tăng đầu tư ra nước ngoài. Vào thập niên 90, Đài Loan tiếp tục vươn lên bằng những ngành sử dụng công nghệ mũi nhọn như viễn thông, thông tin, tự động hoá,....

– *Hàn Quốc* : Từ năm 1967 đến năm 1981, Hàn Quốc thực hiện chiến lược hướng vào xuất khẩu, từ năm 1972 đến năm 1976 đã có năng lực cạnh tranh mạnh về công nghiệp (đóng tàu, ô tô, hoá dầu, luyện thép) dựa trên hàm lượng cao về khoa học và công nghệ. Một trong những nguyên nhân quan trọng để đạt được những thành tựu trên là Hàn Quốc đã nỗ lực đầu tư rất lớn, thậm chí chấp nhận vay nợ để đầu tư. Mặt khác, vai trò của xuất khẩu, của các tập đoàn

công nghiệp – ngoại thương lớn cũng rất quan trọng cho quá trình đầu tư. Ngoài ra, chính phủ có một vai trò rất lớn trong chiến lược phát triển của Hàn Quốc. Nhà nước hỗ trợ nhiều trong giai đoạn đầu, đặc biệt ở việc lập kế hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ cơ bản.

– *Xin-ga-po* – một trung tâm công nghệ cao, một khu tái xuất khổng lồ, một quốc gia xanh, sạch, đẹp vào bậc nhất thế giới và giàu có. Cơ cấu kinh tế của *Xin-ga-po* chỉ có hai ngành chính : công nghiệp và dịch vụ. Thập niên 80 của thế kỉ trước, *Xin-ga-po* đã tiếp nhận nhiều công nghệ cao trong các lĩnh vực luyện kim, hàng không, quang học, tự động hoá, điện tử hoá, hoá dầu. Trong dịch vụ, ngành tài chính rất phát triển (có 70 trong số 100 ngân hàng lớn nhất thế giới đặt chi nhánh tại *Xin-ga-po*). Xuất khẩu là một trong lĩnh vực được chú trọng phát triển mạnh ở *Xin-ga-po*.

– *Hồng Công* đã thực hiện chiến lược công nghiệp hoá bắt đầu từ công nghiệp nhẹ (sản phẩm đa dạng, chất lượng tốt, giá rẻ, chiếm lĩnh được thị trường thế giới). Hồng Công thực hiện mức thu thuế thấp nhất thế giới. Trong cơ cấu kinh tế chỉ có hai ngành : công nghiệp và dịch vụ. Thực hiện tái xuất khẩu mạnh.

MỘT SỐ THÀNH TỰU DO BỐN CÔNG NGHỆ TRỤ CỘT TẠO RA



NỀN KINH TẾ TRI THỨC

– Trong nền kinh tế tri thức, hoạt động chủ yếu nhất là tạo ra tri thức, quảng bá và sử dụng tri thức. Nếu trong kinh tế công nghiệp, việc tạo ra giá trị chủ yếu là dựa vào tối ưu hoá, tức là hoàn thiện cái đã có, thì trong nền kinh tế tri thức, việc tạo ra giá trị chủ yếu là phải đi tìm cái chưa biết – cái có giá trị nhất, theo đó cái đã biết sẽ mất dần giá trị.

– Kinh tế tri thức là một giai đoạn phát triển mới của các nền kinh tế sau giai đoạn kinh tế công nghiệp. Thế giới đã trải qua nền kinh tế săn bắn, hái lượm kéo dài hàng trăm nghìn năm, trải qua kinh tế nông nghiệp trong khoảng 10.000 năm. Vào thời gian đầu của nửa sau thế kỷ XVIII, kinh tế công nghiệp đã xuất hiện lần đầu tiên ở Anh. Vào đầu những năm 50 của thế kỷ XX, kinh tế thông tin bắt đầu xuất hiện ở Hoa Kỳ. Năm 1990, khái niệm "kinh tế tri thức" lần đầu tiên được Liên hợp quốc đưa ra. Nếu như các loại hình kinh tế trước đây lấy công nghiệp truyền thống làm nền tảng sản xuất, lấy nguồn tài nguyên làm chỗ dựa và phát triển sản xuất, thì kinh tế tri thức lấy công nghệ kĩ thuật cao làm lực lượng sản xuất thứ nhất, lấy kiến thức làm chỗ dựa chủ yếu.

Bất kì quốc gia nào cũng đều có thể sử dụng tài nguyên kiến thức của mình để trở thành một bộ phận không thể thiếu được của nền kinh tế thế giới.

– Khu vực dịch vụ đòi hỏi nhiều kiến thức bao gồm : kế toán ; kiến trúc, điều tra, thăm dò, các dịch vụ xây dựng khác ; ngân hàng và tài chính ; máy tính và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin ; thiết kế ; môi trường (quy chế, khử bỏ chất thải, giám sát) ; quản lí các phương tiện ; bảo hiểm ; tuyển mộ lao động và cung cấp nhân viên kĩ thuật ; pháp luật ; tư vấn quản lí ; nghiên cứu thị trường ; maketing và quảng cáo ; thông tấn và báo chí ; nghiên cứu và triển khai ; bất động sản ; viễn thông ; thiết kế – chế tạo kĩ thuật ; đào tạo và công nghệ.

**CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ, NĂM 2004
(TÍNH THEO GIÁ THỰC TẾ)**

(Đơn vị : %)

	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Các nước thu nhập cao	2,0	27,0	71,0
Các nước thu nhập trung bình	11,0	38,0	51,0
Các nước thu nhập thấp	25,0	25,0	50,0
Thế giới	4,0	32,0	64,0

**CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ, NĂM 2004
CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP MỚI
(TÍNH THEO GIÁ THỰC TẾ)**

(Đơn vị : %)

NƯỚC	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Hàn Quốc	3,0	35,0	62,0
Xin-ga-po	0,1	33,7	66,2
Mê-hi-cô	4,0	25,5	70,5
Ác-hen-ti-na	9,6	31,6	58,8

(Nguồn : Tổng cục Thống kê, Số liệu kinh tế – xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006).